

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 2 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN52c	15-20-30-40-50A	30	990,000
ABN62c	60A	30	1,100,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-75-100A	35	1,280,000
ABN202c	125-150-175-200-225-250A	65	2,400,000
ABN402c	250-300-350-400A	50	5,800,000
ABS32c	5-10-15-20-30A	25	950,000
ABS52c	15-20-30-40-50A	35	1,060,000
ABS102c	40-50-60-75-100-125A	85	1,750,000
ABS202c	125-150-175-200-225-250A	85	2,700,000
BS32c (không vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	115,000
BS32c w/c (có vỏ)	6-10-15-20-30A	1.5	165,000
Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 3 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN53c	15-20-30-40-50A	18	1,150,000
ABN63c	60A	18	1,300,000
ABN103c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,500,000
ABN203c	100,125,150,175,200,225,250A	30	2,860,000
ABN403c	250-300-350-400A	42	7,150,000
ABN803c	500-630A	45	13,700,000
ABN803c	700-800A	45	15,500,000
ABS33c	5-10-20-30A	14	1,120,000
ABS53c	15-20-30-40-50A	22	1,250,000
ABS103c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,050,000
ABS203c	125,150,175,200,225,250A	42	3,350,000
ABS403c	250-300-350-400A	65	7,700,000
ABS803c	500-630A	75	16,100,000
ABS803c	700-800A	75	17,300,000
ABS1003b	1000A	65	33,600,000
ABS1203b	1200A	65	36,000,000
TS1000N 3P	1000A	50	51,500,000
TS1250N 3P	1250A	50	54,000,000
TS1600N 3P	1600A	50	65,000,000
TS1000H 3P	1000A	70	53,700,000
TS1250H 3P	1250A	70	57,500,000
TS1600H 3P	1600A	70	68,500,000
TS1000L 3P	1000A	150	75,000,000

Cầu dao điện MCCB (APTOMAT) loại khối 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	1,500,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	1,850,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	3,450,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	8,250,000
ABN804c	500-630A	45	15,500,000
ABN804c	700-800A	45	18,100,000
ABS54c	15-20-30-40-50A	22	1,550,000
ABS104c	20,30,40,50,60,75,100,125A	42	2,350,000
ABS204c	150,175,200,225,250A	42	3,900,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	9,500,000
ABS804c	500-630A	75	19,800,000
ABS804c	700-800A	75	22,500,000
ABS1004b	1000A	65	38,500,000
ABS1204b	1200A	65	42,200,000
TS1000N 4P	1000A	50	63,000,000
TS1250N 4P	1250A	50	66,000,000
TS1600N 4P	1600A	50	79,500,000
TS1000H 4P	1000A	70	68,500,000
TS1250H 4P	1250A	70	77,000,000
TS1600H 4P	1600A	70	96,000,000
Cầu dao điện ELCB 2 pha loại chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
32GRc	15-20-30A	1.5	450,000
32GRhS	15-20-30A	2.5	450,000
32KGRd	15-20-30A	2.5	450,000
EBS52Fb	40-50A	5	760,000
EBE102Fb	60-75-100A	5	1,380,000
EBN52c	15-20-30-40-50A	30	1,820,000
EBN102c	60-75-100A	35	2,500,000
Cầu dao điện ELCB 3 pha loại khối chống rò điện			
EBN53c	15,20,30,40,50A	14	2,280,000
EBN103c	60,75,100A	18	3,000,000
EBN203c	125,150,175,200,225,250A	26	6,600,000
EBN403c	250-300-350-400A	37	11,800,000
EBN803c	500,630A	37	22,500,000
EBN803c	800A	37	28,600,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

MCCB 3 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7-0.85-1.0) x In max			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABS103c FMU	20-25-32-40-50-63-80-100-125A	37	2,500,000
ABS203c FMU	100-125-160-200-250A	37	3,850,000
MCCB 4 Pha loại khối chỉnh dòng (0.7,0.85,1.0)xIn max			
ABS104c FMU	20,25,32,40,50,63,80,100,125A	37	2,950,000
ABS204c FMU	100-125-160-200-250A	37	4,800,000
PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)			
Cuộn đóng ngắt	SHT for ABN100c~ABH250c	930,000	
Shunt Trip (SHT)	SHT for ABN403c~803c	1,120,000	
	SHT for ABS1003b~1204b	1,920,000	
	SHT for TS1000~1600	1,600,000	
Cuộn bảo vệ thấp áp	UVT for ABN100c~ABH250c	1,160,000	
Under Vol. Trip (UVT)	UVT for ABN403c~803c	1,380,000	
	UVT for ABS1003b~1204b	1,820,000	
	UVT for TS1000~1600	1,920,000	
Tiếp điểm phụ	AX for ABN100c~ABH250c	365,000	
Auxiliary switch (AX)	AX for ABN403c~803c	550,000	
	AX for ABS1003b~1204b	575,000	
	AX for TS1000~1600	480,000	
Tiếp điểm cảnh báo	AL for ABN100c~ABH250c	365,000	
Alarm switch (AL)	AL for ABN403c~803c	550,000	
	AL for ABS1003b~1204b	575,000	
	AL for TS1000~1600	480,000	
AL và AX	AL/AX for ABN100c~ABH250c	770,000	
Tấm chắn pha: Insulation barrier	IB-13 for ABN52~103c	11,000	
	IB-23 for ABS103c~ABN/S203c	22,000	
	B-43B for ABN/S403c	37,600	
	Barrier insulation for ABS803c/TS630	41,800	
	Barrier insulation for ABS1200b	47,000	

Cầu dao điện ELCB 4 cực loại khối chống rò điện			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	4,100,000
EBS104c	15,20,30,40,50,60,75,100,125A	37	4,700,000
EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	9,500,000
EBN404c	250,300,350,400A	37	16,600,000

PHỤ KIỆN CẦU DAO ĐIỆN (MCCB)		
Tay xoay (Handle) (DH loại gắn trực tiếp)	DH100-S for ABN103c	670,000
	DH125-S for ABS125c	700,000
	DH250-S for ABH250c	710,000
	N~70S for ABN403c	1,450,000
	N~80S for ABN803c	1,450,000
(EH loại gắn ngoài)	EH100-S for ABN103c	990,000
	EH125-S for ABS125c	990,000
	EH250-S for ABN250c	1,030,000
	E-70U for ABN403c	2,200,000
	E-80U for ABN803c	2,540,000
Mô tơ điều khiển On/Off cho MCCB Motor operator (MOP)	MOP M1 for ABN52c~104c	6,300,000
	MOP M2 for ABS/H103c~104c	6,850,000
	MOP M3 for ABN/S/H202c~204c	8,500,000
	MOP M4 for ABN/S/H402c~404c	10,400,000
	MOP M5 for ABN/S/H802c~804c	12,500,000
	MOP M6 for ABS1003b~1204b	15,000,000
Khóa liên động (Mechanical interlock)	MI-13S for ABN53~103c	980,000
	MI-23S for ABS103c	1,000,000
	MI-33S for ABN/S203c	1,030,000
	MI-43S for ABN/S403c	1,430,000
	MI-83S for ABN/S803c	1,650,000
Thanh cái	Busbar for ABN/S803c	3,000,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)

Cầu dao điện loại tép MCB (gắn trên thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
LA63N 1P	6-10-16-20-25-32A	6KA	115,000
LA63N 1P	40-50-63A	6KA	121,000
LA63N 2P	6-10-16-20-25-32A	6KA	254,000
LA63N 2P	40-50-63A	6KA	260,000
LA63N 3P	6-10-16-20-25-32A	6KA	406,000
LA63N 3P	40-50-63A	6KA	415,000
LA63N 4P	6-10-16-20-25-32A	6KA	590,000
LA63N 4P	40-50-63A	6KA	674,000
LA63H 1P	6-10-16-20-25-32A	10KA	166,000
LA63H 1P	40-50-63A	10KA	192,000
LA63H 2P	6-10-16-20-25-32A	10KA	360,000
LA63H 2P	40-50-63A	10KA	406,000
LA63H 3P	6-10-16-20-25-32A	10KA	576,000
LA63H 3P	40-50-63A	10KA	696,000
LA63H 4P	6-10-16-20-25-32A	10KA	850,000
LA63H 4P	40-50-63A	10KA	990,000
LA63L 1P	6-10-16-20-25-32A	25KA	210,000
LA63L 1P	40-50-63A	15KA	242,000
LA63L 2P	6-10-16-20-25-32A	25KA	506,000
LA63L 2P	40-50-63A	15KA	550,000
LA63L 3P	6-10-16-20-25-32A	25KA	730,000
LA63L 3P	40-50-63A	15KA	825,000
LA63L 4P	6-10-16-20-25-32A	25KA	1,160,000
LA63L 4P	40-50-63A	15KA	1,270,000
LA125H 1P	80-100A	10KA	320,000
LA125H 1P	125A	10KA	596,000
LA125H 2P	80-100A	10KA	686,000
LA125H 2P	125A	10KA	770,000
LA125H 3P	80-100A	10KA	1,090,000
LA125H 3P	125A	10KA	1,200,000
LA125H 4P	80-100A	10KA	1,410,000
LA125H 4P	125A	10KA	1,850,000

PHỤ KIỆN MCB	
Tên hàng	Giá bán
Auxiliary switch: AX for LA/LC	300,000
Alarm switch: AL for LA/LC	300,000
Shunt for LA/LC	520,000
Auxiliary switch: AX for LB	354,000
Alarm switch: AL for LB	354,000
Shunt for LB	550,000

Cầu dao điện loại tép bảo vệ quá tải và chống rò điện RCBO			
Tên hàng	In (A)	Icn(KA)	Giá bán
LB63N 1P+N	3-6-10-16-20-25-32A	6KA	596,000
LB63N 1P+N	40-50-63A	6KA	638,000
LB40NN 1P+N	6-10-16-20-25-32A	6KA	1,080,000
LB40NN 1P+N	40A	6KA	1,160,000
LB50HW 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10KA	1,260,000
LB50HW 1P+N	40-50A	10KA	1,260,000
LB63HW 3P+N	6-10-16-20-25-32A	10KA	5,500,000
LB63HW 3P+N	40-63A	10KA	5,500,000

Cầu dao điện loại tép chống rò điện RCCB (gắn thanh ray)			
Tên hàng	In (A)	Icn(KA)	Giá bán
LC63N 1P+N	16-25-32-40-50A	6KA	880,000
LC63N 1P+N	63A	6KA	910,000
LC63N 3P+N	16-25-32-40-50A	6KA	1,260,000
LC63N 3P+N	63A	6KA	1,380,000
LC100H 1P+N	16-25-32-40A	10KA	1,090,000
LC100H 1P+N	50-63A	10KA	1,180,000
LC100H 1P+N	80-100A	10KA	1,380,000
LC100H 3P+N	25-32-40A	10KA	1,550,000
LC100H 3P+N	50-63A	10KA	1,760,000
LC100H 3P+N	80-100A	10KA	2,090,000

Thiết bị chống sét (Surge Protective Device)			
Tên hàng	Uc [V] L/N-PE	Icu(KA)	Giá bán
BK05S-T3 2P	385V	10KV	1,750,000
BK05S-T3 4P	385V	10KV	3,440,000
BK10S-T2 2P	385V	20KA	1,920,000
BK10S-T2 3P	385V	20KA	2,200,000
BK10S-T2 4P	385V	20KA	3,750,000
BK20S-T2 2P	385V	40KA	2,160,000
BK20S-T2 3P	385V	40KA	2,520,000
BK20S-T2 4P	385V	40KA	5,200,000
BK30S-T2 2P	385V	60KA	2,520,000
BK30S-T2 3P	385V	60KA	3,100,000
BK30S-T2 4P	385V	60KA	5,650,000
BK40S-T2 1P	385V	80KA	2,300,000
BK40S-T2 2P	385V	80KA	2,760,000
BK40S-T2 3P	385V	80KA	4,400,000
BK40S-T2 4P	385V	80KA	6,800,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)



KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES) - AC Coil		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a ⁽¹⁾	6A (1a)	420,000
MC-9a ⁽¹⁾	9A (1a)	440,000
MC-12a ⁽¹⁾	12A (1a)	460,000
MC-18a ⁽¹⁾	18A (1a)	700,000
MC-9b ⁽²⁾	9A (1a1b)	460,000
MC-12b ⁽²⁾	12A (1a1b)	520,000
MC-18b ⁽²⁾	18A (1a1b)	740,000
MC-22b ⁽²⁾	22A (1a1b)	910,000
MC-32a ⁽²⁾	32A (2a2b)	1,320,000
MC-40a ⁽²⁾	40A (2a2b)	1,580,000
MC-50a ⁽³⁾	50A (2a2b)	2,060,000
MC-65a ⁽³⁾	65A (2a2b)	2,320,000
MC-75a ⁽⁴⁾	75A (2a2b)	2,640,000
MC-85a ⁽⁴⁾	85A (2a2b)	3,140,000
MC-100a ⁽⁴⁾	100A (2a2b)	4,140,000
MC-130a ⁽⁵⁾	130A (2a2b)	5,000,000
MC-150a ⁽⁵⁾	150A (2a2b)	6,400,000
MC-185a ⁽⁶⁾	185A (2a2b)	7,940,000
MC-225a ⁽⁶⁾	225A (2a2b)	9,520,000
MC-265a ⁽⁷⁾	265A (2a2b)	12,900,000
MC-330a ⁽⁷⁾	330A (2a2b)	14,000,000
MC-400a ⁽⁷⁾	400A (2a2b)	16,400,000
MC-500a ⁽⁸⁾	500A (2a2b)	32,200,000
MC-630a ⁽⁸⁾	630A (2a2b)	33,600,000
MC-800a ⁽⁸⁾	800A (2a2b)	43,200,000

CONTACTOR RELAYS

MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles AC	630,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles AC	750,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles AC	850,000
MR-4 (2NO+2NC)	4 Poles DC	710,000
MR-6 (3NO+3NC)	6 Poles DC	830,000
MR-8 (4NO+4NC)	8 Poles DC	970,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ

UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	136,000
UA-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	136,000
UA-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	230,000
AU-100 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-185a~800a	280,000

KHÓA LIÊN ĐỘNG

UR-2	MC-6a~150a	280,000
AR-180	MC-185a~400a	980,000
AR-600	MC-500a~800a	14,400,000

RƠ LỆ NHIỆT

Tên hàng	In (A)	Giá bán
MT-12 ⁽¹⁾	0.63~18A	470,000
MT-32 ⁽²⁾	0.63~19A	530,000
MT-32 ⁽²⁾	21.5~40A	530,000
MT-63 ⁽³⁾	34-50, 45-65A	1,020,000
MT-95 ⁽⁴⁾	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	1,700,000
MT-150 ⁽⁵⁾	80-105A, 95-130A, 110-150A	2,500,000
MT-225 ⁽⁶⁾	85-125, 100-160, 120-185, 160-240A	4,100,000
MT-400 ⁽⁷⁾	200-330A và 260-400A	5,840,000
MT-800 ⁽⁸⁾	400-630A và 520-800A	11,000,000

RƠ LỆ ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays

GMP22-2P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,160,000
GMP22-3P (1a1b)	0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A	1,740,000
GMP40-2P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,260,000
GMP40-3P (1a1b)	4~20A, 8~40A	1,740,000
GMP60-T (1c)	0.5~6A, 3~30A, 5~60A	1,080,000

(1) MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại

từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;

(2) MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ:

0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A; 4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;

(3) MT-63 dùng cho từ MC-50a và MC-65a

(4) MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a

(5) MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a

(6) MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a

(7) MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a

(8) MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630a và MC-800a

* GMP22 dùng cho MC-9b~22b, GMP40 dùng cho MC32a~40a

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ

Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	280,000
Coil for MC32a, 40a	280,000
Coil for MC-50a, 65a	330,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	440,000
Coil for MC-130a, 150a	2,100,000
Coil for MC-185a, 225a	2,860,000
Coil for MC-330a, 400a	5,160,000
Coil for MC-630a, 800a	6,800,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)

AC-9	MC-6a~40a	520,000
AC-50	MC-50a~65a	680,000
AC-75	MC-75a~100a	680,000

HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ (Encloser)

MW-9bB~22bB	Steel dùng cho MC-6a~22b	960,000
-------------	--------------------------	---------

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)



Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (loại cố định)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AH6	630A	65	58,500,000
AN-08D3-08H AH6	800A	65	62,800,000
AN-10D3-10H AH6	1000A	65	64,500,000
AN-13D3-13H AH6	1250A	65	67,500,000
AN-16D3-16H AH6	1600A	65	71,800,000
AS-20E3-20H AH6	2000A	85	96,500,000
AS-25E3-25H AH6	2500A	85	135,000,000
AS-32E3-32H AH6	3200A	85	156,800,000
AS-40E3-40V AH6	4000A	85	261,000,000
AS-40F3-40H AH6	4000A	100	268,000,000
AS-50F3-50H AH6	5000A	100	275,000,000
AS-63G3-63H AH6	6300A	120	460,000,000
ACB METASOL 4 Pha (loại cố định)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H AH6	630A	65	64,500,000
AN-08D4-08H AH6	800A	65	70,500,000
AN-10D4-10H AH6	1000A	65	72,800,000
AN-13D4-13H AH6	1250A	65	76,500,000
AN-16D4-16H AH6	1600A	65	84,000,000
AS-20E4-20H AH6	2000A	85	118,000,000
AS-25E4-25H AH6	2500A	85	158,000,000
AS-32E4-32H AH6	3200A	85	188,000,000
AS-40E4-40V AH6	4000A	85	316,000,000
AS-40F4-40H AH6	4000A	100	330,000,000
AS-50F4-50H AH6	5000A	100	342,000,000
AS-63G4-63H AH6	6300A	120	598,000,000
PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp	UVT coil		2,700,000
(UVT+UDC)	UDC: UVT Controller		2,900,000
Shunt Coil (cuộn mở)	SHT for ACB		1,580,000
Cuộn đóng	Closing coil for ACB		1,960,000

ACB METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
AN-06D3-06H NH5 without ACC	630A	65	40,000,000
AN-08D3-08H NH5 without ACC	800A	65	46,500,000
AN-10D3-10H NH5 without ACC	1000A	65	48,000,000
AN-13D3-13H NH5 without ACC	1250A	65	51,600,000
AN-16D3-16H NH5 without ACC	1600A	65	58,500,000
AS-20E3-20H NH5 without ACC	2000A	85	80,500,000
AS-25E3-25H NH5 without ACC	2500A	85	118,000,000
AS-32E3-32H NH5 without ACC	3200A	85	138,000,000
AS-40E3-40V NH5 without ACC	4000A	85	249,000,000
AS-40F3-40H NH5 without ACC	4000A	100	255,000,000
AS-50F3-50H NH5 without ACC	5000A	100	258,000,000
AS-63G3-63H NH5 without ACC	6300A	120	438,000,000
ACB METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D4-06H NH5 without ACC	630A	65	49,500,000
AN-08D4-08H NH5 without ACC	800A	65	56,000,000
AN-10D4-10H NH5 without ACC	1000A	65	58,000,000
AN-13D4-13H NH5 without ACC	1250A	65	61,000,000
AN-16D4-16H NH5 without ACC	1600A	65	67,500,000
AS-20E4-20H NH5 without ACC	2000A	85	100,800,000
AS-25E4-25H NH5 without ACC	2500A	85	142,000,000
AS-32E4-32H NH5 without ACC	3200A	85	171,000,000
AS-40E4-40V NH5 without ACC	4000A	85	299,000,000
AS-40F4-40H NH5 without ACC	4000A	100	318,000,000
AS-50F4-50H NH5 without ACC	5000A	100	329,000,000
AS-63G4-63H NH5 without ACC	6300A	120	576,000,000
PHỤ KIỆN ACB			
Khóa liên động (Mechanical Interlock)	2-way (dùng cho 2 ACB)		12,000,000
	3-way (dùng cho 3 ACB)		22,000,000
Tấm chắn pha	IB for ACB 630A-6300A		600,000
Mô tơ nạp	Motor		7,200,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)



Cầu dao điện ACB SKD METASOL (Asembly in Viet Nam)							
Cầu dao điện ACB SKD METASOL 3 Pha (loại cố định)				ACB SKD METASOL 4 Pha (loại cố định)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H AH6	630A	65	56,500,000	AN-06D4-06H AH6	630A	65	62,500,000
AN-08D3-08H AH6	800A	65	60,500,000	AN-08D4-08H AH6	800A	65	68,000,000
AN-10D3-10H AH6	1000A	65	62,000,000	AN-10D4-10H AH6	1000A	65	70,000,000
AN-13D3-13H AH6	1250A	65	65,000,000	AN-13D4-13H AH6	1250A	65	73,500,000
AN-16D3-16H AH6	1600A	65	69,000,000	AN-16D4-16H AH6	1600A	65	81,000,000
AS-20E3-20H AH6	2000A	85	93,000,000	AS-20E4-20H AH6	2000A	85	113,500,000
AS-25E3-25H AH6	2500A	85	130,000,000	AS-25E4-25H AH6	2500A	85	152,500,000
Cầu dao điện ACB SKD METASOL 3 Pha loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT				Cầu dao điện ACB SKD METASOL 4 cực loại cố định - chưa có Motor, SHT, CC và UVT			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06H NH5 without ACC	630A	65	39,000,000	AN-06D4-06H NH5 without ACC	630A	65	47,500,000
AN-08D3-08H NH5 without ACC	800A	65	45,000,000	AN-08D4-08H NH5 without ACC	800A	65	54,000,000
AN-10D3-10H NH5 without ACC	1000A	65	46,500,000	AN-10D4-10H NH5 without ACC	1000A	65	56,000,000
AN-13D3-13H NH5 without ACC	1250A	65	50,000,000	AN-13D4-13H NH5 without ACC	1250A	65	58,500,000
AN-16D3-16H NH5 without ACC	1600A	65	56,500,000	AN-16D4-16H NH5 without ACC	1600A	65	65,000,000
AS-20E3-20H NH5 without ACC	2000A	85	77,500,000	AS-20E4-20H NH5 without ACC	2000A	85	98,000,000
AS-25E3-25H NH5 without ACC	2500A	85	113,500,000	AS-25E4-25H NH5 without ACC	2500A	85	136,000,000

Cầu dao điện ACB METASOL Draw-out							
Cầu dao điện ACB METASOL 3 Pha (Draw-out)				ACB METASOL 4 Pha (Draw-out)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
AN-06D3-06A AH6	630A	65	74,200,000	AN-06D4-06A AH6	630A	65	82,000,000
AN-08D3-08A AH6	800A	65	78,600,000	AN-08D4-08A AH6	800A	65	88,000,000
AN-10D3-10A AH6	1000A	65	80,000,000	AN-10D4-10A AH6	1000A	65	89,000,000
AN-13D3-13A AH6	1250A	65	82,000,000	AN-13D4-13A AH6	1250A	65	92,500,000
AN-16D3-16A AH6	1600A	65	92,500,000	AN-16D4-16A AH6	1600A	65	100,000,000
AS-20E3-20A AH6	2000A	85	120,000,000	AS-20E4-20A AH6	2000A	85	145,000,000
AS-25E3-25A AH6	2500A	85	154,000,000	AS-25E4-25A AH6	2500A	85	179,000,000
AS-32E3-32A AH6	3200A	85	188,000,000	AS-32E4-32A AH6	3200A	85	228,000,000
AS-40E3-40A AH6	4000A	85	292,000,000	AS-40E4-40A AH6	4000A	85	355,000,000
AS-40F3-40A AH6	4000A	100	305,000,000	AS-40F4-40A AH6	4000A	100	360,000,000
AS-50F3-50A AH6	5000A	100	330,000,000	AS-50F4-50A AH6	5000A	100	365,000,000
AS-63G3-63A AH6	6300A	120	496,000,000	AS-63G4-63A AH6	6300A	120	655,000,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)



MCCB loại High-End, Susol Series Icu từ 50KA-150KA, Ics=100% Icu							
Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha				Cầu dao điện Susol MCCB (APTOMAT) loại 4 Pha			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán	Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
FTU: loại không chỉnh dòng				FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100 3P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	2,860,000	TD100N FTU100 4P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,360,000
TD160N FTU160 3P	125A	50	3,400,000	TD160N FTU160 4P	125A	50	4,200,000
TD160N FTU160 3P	160A	50	4,100,000	TD160N FTU160 4P	160A	50	5,500,000
TS100N FTU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	2,860,000	TS100N FTU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	4,000,000
TS160N FTU160 3P	100, 125A	50	3,960,000	TS160N FTU160 4P	100, 125A	50	5,500,000
TS160N FTU160 3P	160A	50	4,400,000	TS160N FTU160 4P	160A	50	6,250,000
TS250N FTU250 3P	125, 160, 200A	50	5,750,000	TS250N FTU250 4P	125, 160, 200A	50	7,700,000
TS250N FTU250 3P	250A	50	6,850,000	TS250N FTU250 4P	250A	50	9,100,000
TS400N FTU400 3P	300, 400A	65	9,800,000	TS400N FTU400 4P	300, 400A	65	12,600,000
TS630N FTU630 3P	500, 630A	65	14,200,000	TS630N FTU630 4P	500, 630A	65	15,400,000
TS800N FTU800 3P	800A	65	17,800,000	TS800N FTU800 4P	800A	65	22,200,000
FMU: loại chỉnh dòng (nhiệt) 3 bước 0.8, 0.9, 1.0 x In				FMU: Adjustable thermal: 0.8~1 x In, fixed magnetic			
TD100N FMU100 3P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,100,000	TD100N FMU100 4P	16,20,25,32,40,50,63,80,100A	50	3,550,000
TD160N FMU160 3P	125A	50	3,800,000	TD160N FMU160 4P	125A	50	5,500,000
TD160N FMU160 3P	160A	50	4,250,000	TD160N FMU160 4P	160A	50	6,400,000
TS100N FMU100 3P	40, 50, 63, 80, 100A	50	3,100,000	TS100N FMU100 4P	40, 50, 63, 80, 100A	50	4,500,000
TS160N FMU160 3P	100, 125A	50	4,150,000	TS160N FMU160 4P	100, 125A	50	5,600,000
TS160N FMU160 3P	160A	50	4,650,000	TS160N FMU160 4P	160A	50	6,500,000
TS250N FMU250 3P	125, 160, 200A	50	5,750,000	TS250N FMU250 4P	125, 160, 200A	50	8,200,000
TS250N FMU250 3P	250A	50	7,200,000	TS250N FMU250 4P	250A	50	9,600,000
TS400N FMU400 3P	300, 400A	65	10,700,000	TS400N FMU400 4P	300, 400A	65	13,600,000
TS630N FMU630 3P	500, 630A	65	16,000,000	TS630N FMU630 4P	500, 630A	65	20,500,000
TS800N FMU800 3P	800A	65	19,600,000	TS800N FMU800 4P	800A	65	26,000,000
ATU: loại chỉnh dòng cắt (nhiệt) và dòng ngắn mạch (từ)				ETS: loại chỉnh dòng chip relay điện tử 13 bước từ 0.4~1 x In			
TS160N ATU160 3P	125A	50	4,500,000	TS100N ETS23 3P	80A	50	5,000,000
TS160N ATU160 3P	160A	50	4,900,000	TS160N ETS23 3P	40, 80, 160A	50	6,200,000
TS250N ATU250 3P	200A	50	6,250,000	TS250N ETS23 3P	250A	50	8,500,000
TS250N ATU250 3P	250A	50	7,700,000	TS400N ETS33 3P	400A	65	13,000,000
TS400N ATU400 3P	400A	65	11,600,000	TS630N ETS33 3P	630A	65	19,800,000
TS630N ATU630 3P	630A	65	16,800,000	TS800N ETS43 3P	800A	65	22,800,000
TS800N ATU800 3P	800A	65	21,600,000				
PHỤ KIỆN MCCB Susol				Busbar (thanh cái)			
Tên hàng			Giá bán				
Shunt release: SHT for TD/TS100->800			910,000	Spreader SP33a for TS400-TS630			1,320,000
Undervoltage release: UVT for TD/TS100->800			1,440,000	Spreader SP43 for TS800			2,550,000
Auxiliary switch: AX for TD/TS100->800			440,000	Busbar for 3P TS1000/1250/1600N			13,200,000
Alarm switch: AL for TD/TS100->800			440,000	Motor operator (mô tơ nạp)			
Fault alarm switch: FAL for TD/TS100->800			440,000	MOP1 for TD100, 160			6,200,000
Auxiliary switch: AX for TS1000~1600			480,000	MOP2 for TS100, 160, 250			8,400,000
Alarm switch: AL for TS1000~1600			480,000	MOP3 for TS400, 630			11,400,000
Direct Rotary Handle (tay xoay)				MOP4 for TS800			13,600,000
				Extended Rotary Handle (tay xoay)			
DH1 for TD100, 160			760,000	EH1 for TD100, 160			1,320,000
DH2 for TS250			820,000	EH2 for TS250			1,380,000
DH3 for TS400, 630			1,500,000	EH3 for TS400, 630			2,950,000
DH4 for TS800			2,100,000	EH4 for TS800			3,050,000
DH5-S TS1000~1600			6,300,000	EH5-S TS1000~1600			7,200,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT

BẢNG GIÁ HÀNG THIẾT BỊ ĐIỆN NHÃN HIỆU LS (VNĐ)



(Áp dụng từ ngày 15-04-2026)

Manual Motor Starter		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MMS-32S	0.63A (0.4~0.63)A	920,000
MMS-32S	1.0A (0.63~1.0)A	920,000
MMS-32S	1.6A (1.0~1.6)A	920,000
MMS-32S	2.5A (1.6~2.5)A	920,000
MMS-32S	4A (2.5~4)A	920,000
MMS-32S	6A (4~6)A	920,000
MMS-32S	8A (5~8)A	920,000
MMS-32S	10A (6~10)A	920,000
MMS-32S	13A (9~13)A	960,000
MMS-32S	17A (11~17)A	960,000
MMS-32S	22A (14~22)A	960,000
MMS-32S	26A (18~26)A	960,000
MMS-32S	32A (22~32A)	960,000
MMS-63S	40A (28~40)A	2,600,000
MMS-63S	50A (34~50)A	2,600,000
MMS-63S	63A (45~63)A	2,600,000
MMS-100S	75A (55~75)A	4,400,000
MMS-100S	90A (70~90)	4,900,000

PHỤ KIỆN MMS	
Tiếp điểm phụ (gắn bên trên): FX 1NO+1NC	240,000
Tiếp điểm phụ (gắn bên hông): LX 1NO+1NC	270,000
Any Trip Alarm Switch: LA 1NO+1NC	350,000
Magnetic Trip Alarm Switch: LAM 1NO+1NC	370,000

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA loại DC Coil (DC Volt)		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
MC-6a (VDC)	6A (1a)	550,000
MC-9a (VDC)	9A (1a)	610,000
MC-12a (VDC)	12A (1a)	730,000
MC-18a (VDC)	18A (1a)	900,000
MC-9b (VDC)	9A (1a1b)	720,000
MC-12b (VDC)	12A (1a1b)	830,000
MC-18b (VDC)	18A (1a1b)	1,150,000
MC-22b (VDC)	22A (1a1b)	1,280,000
MC-32a (VDC)	32A (1a1b)	1,540,000
MC-40a (VDC)	40A (1a1b)	1,780,000
MC-50a (VDC)	50A (1a1b)	2,420,000
MC-65a (VDC)	65A (1a1b)	3,000,000
MC-75a (VDC)	75A (1a1b)	3,920,000
MC-85a (VDC)	85A (1a1b)	4,800,000
MC-100a (VDC)	100A (1a1b)	4,840,000
MC-150a (VDC)	150A (1a1b)	7,200,000

Rơ le bảo vệ kỹ thuật số (Digital Protection Relay)				
Tên hàng		Thông số		Giá bán
Đồng hồ điện đa năng kỹ thuật số (Digital Power MultiMeter)				
GIMAC-1000 EX,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V				11,000,000
GIMAC-1000 NO,M485,5A,50Hz,AC/DC100~240V				10,500,000
Thiết bị điều khiển và đo lường đa năng kỹ thuật số (Digital Integrated MultiMetering & Control Device)				
GIMAC-115P NO,RS,M,5A,50Hz,AC/DC110V				25,600,000
RƠ LE ĐIỆN TỬ - Electric motor protection relays				
GMP22-2P (1a1b)		0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A		1,160,000
GMP22-3P (1a1b)		0.3~1.5A, 1~5A, 4.4~22A		1,740,000
GMP40-2P (1a1b)		4~20A, 8~40A		1,260,000
GMP40-3P (1a1b)		4~20A, 8~40A		1,740,000
GMP60-T (1c)		0.5~6A, 3~30A, 5~60A		1,080,000
RƠ LE KỸ THUẬT SỐ- Digital motor protection relay				
Tên hàng		In (A)		Giá bán
DMP06i-SA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		6,200,000
DMP06i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		6,400,000
DMP06i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		0.5~6A		7,000,000
DMP65i-S 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		5,800,000
DMP65i-TA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		6,000,000
DMP65i-TZ 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		6,400,000
DMP65i-TZA 2a1b AC/DC85~260V		5~65A		7,000,000
KHỞI ĐỘNG TỪ 4 PHA AC (Metasol)				
Tên hàng		Tiếp điểm phụ	In (A)	Giá bán
MC-9a/4			9A	610,000
MC-12a/4			12A	640,000
MC-18a/4			18A	880,000
MC-22a/4			22A	1,010,000
MC-32a/4			32A	1,530,000
MC-40a/4			40A	1,650,000
MC-50a/4			50A	2,500,000
MC-65a/4			65A	3,000,000
MC-75a/4			75A	3,900,000
MC-85a/4			85A	4,150,000
MC-100a/4		(2a2b)	100A	7,900,000
MC-130a/4		(2a2b)	130A	8,520,000
MC-150a/4		(2a2b)	150A	9,920,000
MC-185a/4		(2a2b)	185A	11,100,000
MC-225a/4		(2a2b)	225A	12,600,000
MC-265a/4		(2a2b)	265A	20,200,000
MC-330a/4		(2a2b)	330A	23,200,000
MC-400a/4		(2a2b)	400A	25,600,000
MC-500a/4		(2a2b)	500A	39,800,000
MC-630a/4		(2a2b)	630A	52,800,000
MC-800a/4		(2a2b)	800A	58,400,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT